

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **317/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/9/2022

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hà Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 2051/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 45, khu 4, Hà tr, thành phố H, tỉnh Qu.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 47/1, khu phố 3, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Trung tâm giải cứu cơ độc gia đình Nissi, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H trình bày: Chị H và anh S

xây dựng gia đình vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2014 tại UBND phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau và cả hai thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh S còn nghiện ma túy, nhiều lần gia đình phải đưa đến trại cai nghiện ma túy nhưng anh S vẫn không cai được. Chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để nuôi dạy con cái, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Nay chị xin được ly hôn với anh S để trả tự do cho nhau.

Về con chung có 01 cháu: Nguyễn Đức Hoàng Ph, sinh ngày 08/10/2015.

Cháu Phàm hiện đang sống với chị Huyền, chị Hyêu cầu được trực tiếp, chăm sóc cháu Phàm, tạm thời anh S không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 7 năm 2022 bị đơn anh Nguyễn Hoàng S trình bày: Chị H và anh S xây dựng gia đình vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2014 tại UBND phường Hoà Bình, thành phố B, tỉnh Đ.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Nay chị H xin được ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung có 01 cháu: Nguyễn Đức Hoàng Ph, sinh ngày 08/10/2015.

Cháu Ph hiện đang sống với chị H, chị Hyêu cầu được trực tiếp, chăm sóc cháu Phàm, tạm thời anh S không cấp dưỡng nuôi con, anh S đồng ý.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai, có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt nên bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Hoàng Ph, sinh ngày 08/10/2015 cho chị Hnuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh H xin ly hôn anh Nguyễn Hoàng S, anh S là bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Hoàng S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, Điều 208; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành đưa vụ án xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh S xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND phường Hoà Bình, thành phố B, tỉnh Đ nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Chị H xin ly hôn anh S, vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2022 anh cũng xác định vợ chồng anh phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng mà anh không thể hàn gắn, đoàn tụ được, do vậy chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh S có kéo dài cũng không đem đến hạnh phúc. Chị H và anh S đều không có nguyện vọng đoàn tụ và muốn ly hôn; Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh S.

[3] Về con chung: Chị H và anh S có 01 con chung:

Nguyễn Đức Hoàng Phạm, sinh ngày 08/10/2015.

Chị Hyêu cầu chị sẽ là người nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phàm, không yêu cầu anh S cấp dưỡng, anh S đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Phàm là do chị Hnuôi dưỡng, mọi sinh hoạt và học tập của cháu Phàm đã có sự ổn định, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Hyêu, giao cháu Phàm cho chị Htiếp tục nuôi dưỡng. Do chị Hkhông yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh S không cấp dưỡng nuôi con. Anh S được quyền thăm nom con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các bên khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 207, Điều 208; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H, xử cho chị Hđược ly hôn anh Nguyễn Hoàng S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Hoàng Phàm, sinh ngày 08/10/2015 cho chị Htrực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Nguyễn Hoàng S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung : Không xem xét giải quyết.

5. **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003595 ngày 08/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Chị H đã nộp đủ án phí.

6. Chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Hoàng S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên hòa
- THADS thành phố Biên Hòa
- TAND tỉnh Đ
- Các đương sự
- Nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS-VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hà Vân